

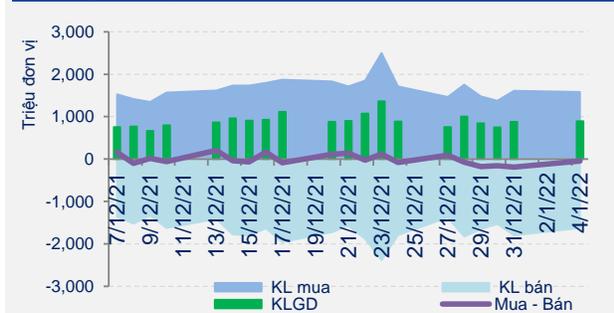
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 4/1/2022

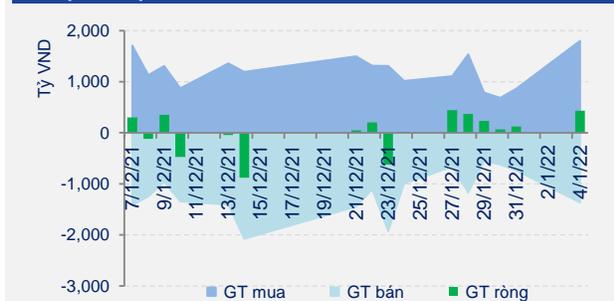
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,525.58	474.10
% Thay đổi	↑ 1.82%	↑ 0.02%
KLGD (CP)	891,296,929	100,089,923
GTGD (tỷ đồng)	28,616.20	2,872.77
Tổng cung (CP)	1,624,087,600	155,057,000
Tổng cầu (CP)	1,580,804,900	135,152,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	30,762,400	642,182
KL mua (CP)	43,843,300	1,364,540
GT mua (tỷ đồng)	1,803.65	40.79
GT bán (tỷ đồng)	1,368.81	16.49
GT ròng (tỷ đồng)	434.84	24.30

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.42%	23.7	3.7	1.3%
Công nghiệp	↑ 2.65%	24.6	3.2	19.6%
Dầu khí	↑ 3.79%	19.3	2.0	2.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.03%	-	10.2	3.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.79%	17.4	2.7	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.72%	23.6	4.2	11.3%
Ngân hàng	↑ 0.97%	12.2	2.4	17.8%
Nguyên vật liệu	↑ 1.00%	11.2	2.6	12.4%
Tài chính	↑ 2.44%	21.8	3.9	27.7%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 4.81%	16.4	2.6	3.1%
VN - Index	↑ 1.82%	17.7	3.3	
HNX - Index	↑ 0.02%	26.0	5.5	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần của năm 2022 với thanh khoản tiếp tục dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 27,3 điểm (+1,82%) và đóng cửa tại mốc 1.525,58 điểm, mức cao kỷ lục mới. Độ rộng trên sàn HOSE là tích cực với 361 mã tăng, 47 mã tham chiếu, 138 mã giảm. HNX-Index tăng 0,11 điểm (+0,02%) lên 474,1 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tích cực với 159 mã tăng, 55 mã tham chiếu, 93 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn xấp xỉ so với phiên cuối cùng của năm 2021 và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 937 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 29.265 tỷ đồng. Bộ đôi VIC (+6,2%) và VHM (+3,8%) tăng mạnh và đóng góp 9,564 điểm vào mức tăng của VN-Index. Cổ phiếu ngân hàng tiếp tục thu hút được dòng tiền và đồng loạt tăng giá, có thể kể đến như STB (+1,9%), TCB (+1,8%), VPB (+0,7%), TPB (+4,1%), CTG (+2,5%), SHB (+0,9%), MBB (+0,7%)... Bên cạnh đó, cổ phiếu bất động sản xây dựng cũng thu hút dòng tiền và đồng loạt tăng mạnh, thậm chí tăng trần như CII (+6,9%), DIG (+6,9%), CEO (+9,9%), LDG (+7%), DRH (+6,9%), ITC (+6,8%), QCG (+6,7%), LGL (+6,9%), C4G (+14,8%), HBC (+6,9%), LCG (+6,9%), VGC (+7%), FCN (+6,9%), HT1 (+6,9%)... Cổ phiếu chứng khoán cũng hòa chung vào đà tăng của thị trường chung với nhiều mã tăng giá như SSI (+2,3%), VND (+1,2%), SHS (+2%), VCI (+2,2%), CTS (+3,1%)...

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam khởi đầu năm mới 2022 với mức tăng mạnh trên chỉ số VN-Index (+1,82%) và VN30 (+1,51%). Tuy nhiên, thanh khoản khớp lệnh trong phiên hôm nay lại chưa thực sự ấn tượng khi chỉ xấp xỉ phiên cuối năm 2021 và còn thấp hơn mức trung bình 20 phiên một chút. Điều này cho thấy là một bộ phận nhà đầu tư vẫn đang thận trọng với diễn biến hiện tại. Trên góc nhìn kỹ thuật, với việc vượt qua được ngưỡng kháng cự tâm lý quanh 1.500 điểm thì xu hướng tăng của thị trường tiếp tục được củng cố với vùng giá mục tiêu tiếp theo là vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Dư địa tăng của thị trường là vẫn còn nhưng những phiên rung lắc có thể sẽ sớm diễn ra. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 5/1, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng tới mục tiêu tiếp theo trong khoảng 1.530-1.550 điểm. Nhà đầu tư nâng tỷ trọng lên mức cao khi tham gia bắt đáy trong phiên 6/12 đã chốt lời một phần danh mục trong phiên hôm nay để đưa tỷ trọng về mức cân bằng có thể tiếp tục nắm giữ để hướng tới những vùng giá cao hơn.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

4/1/2022

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 1.526,69 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 27,3 điểm (+1,82%) lên 1.525,58 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 5.900 đồng, VHM tăng 3.100 đồng, GAS tăng 5.700 đồng. Ở chiều ngược lại, NVL giảm 2.000 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giảm điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức thấp nhất trong phiên tại 467,51 điểm. Nhưng về cuối phiên, lực cầu gia tăng giúp chỉ số lấy lại sắc xanh, với mức cao nhất trong phiên tại 479,81 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,11 điểm (+0,02%) lên 474,1 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 7.000 đồng, NVB tăng 1.100 đồng, L14 tăng 19.100 đồng. Ở chiều ngược lại, THD giảm 13.800 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 431,12 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 11,6 triệu đơn vị. VHM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 218,1 tỷ đồng tương ứng với 2,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VRE với 109,8 tỷ đồng tương ứng với 3,5 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CII là mã bị bán ròng nhiều nhất với 276,7 tỷ đồng tương ứng với 5,6 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 23,66 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 722 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 25,3 tỷ đồng tương ứng với 899,5 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là BVS với 4,7 tỷ đồng tương ứng với 113,6 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CTB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 7 tỷ đồng tương ứng với 265 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index tăng rất mạnh trong phiên giao dịch đầu tiên của năm 2022 với thanh khoản khớp lệnh xấp xỉ so với phiên cuối năm 2021 và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy là một bộ phận nhà đầu tư vẫn đang đứng ngoài quan sát thị trường.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng điểm mạnh này (+1,8%) thì chỉ số VN-Index đã chính thức vượt qua ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm để tiếp tục củng cố xu hướng tăng của thị trường và mục tiêu tiếp theo của chỉ số này trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1.500 điểm.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 5/1, VN-Index có thể sẽ tiếp tục tăng điểm để hướng tới mục tiêu tiếp theo trong khoảng 1.530-1.550 điểm.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### PMI tháng 12 đạt 52.5 điểm, điều kiện kinh doanh cải thiện tháng thứ 3 liên tiếp

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt 52.5 điểm trong tháng 12, so với 52.2 của tháng 11, cho thấy điều kiện kinh doanh cải thiện tháng thứ ba liên tiếp. Hơn nữa, mức cải thiện sức khỏe của lĩnh vực sản xuất là đáng kể nhất kể từ tháng 5.



## TIN TRONG NƯỚC

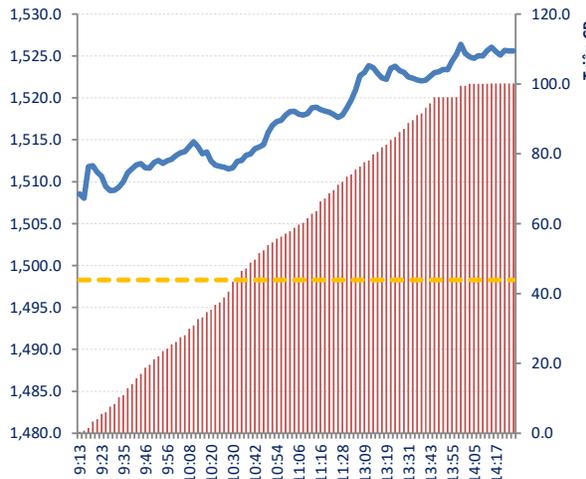
<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,8 - 61,4 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 300.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 11 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 4/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.134 VND/USD, giảm 11 đồng so với cuối tuần qua.

## TIN QUỐC TẾ

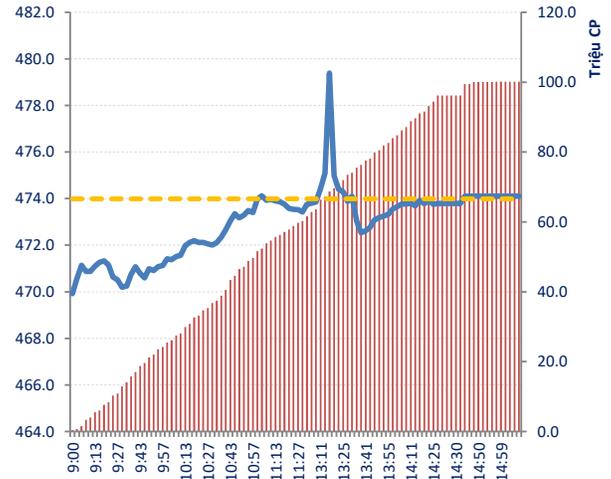
<b>Giá vàng thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 4,65 USD/ounce tương ứng với 0,26% lên 1.804,75 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,052 điểm tương ứng 0,05% lên 96,263 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,1297 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3492 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,82 JPY.
<b>Giá dầu thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,33 USD/thùng tương ứng với 0,43% lên 76,41 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ tăng điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 3/1, Dow Jones tăng 246,76 điểm tương đương 0,68% lên 36.585,06 điểm. Nasdaq tăng 187,83 điểm tương đương 1,2% lên 15.832,8 điểm. Nasdaq Composite tăng 30,38 điểm tương đương 0,64% lên 4.796,56 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

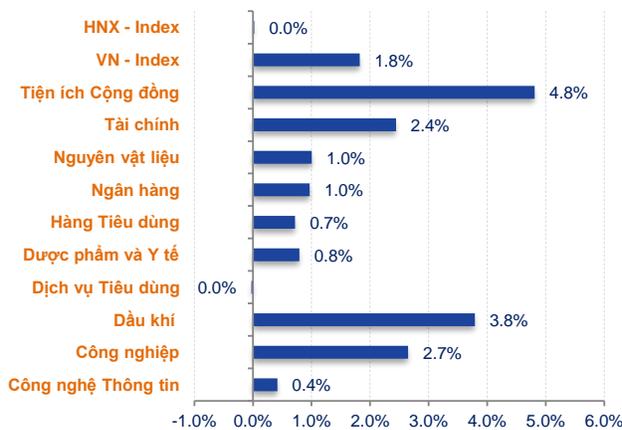
KLGD và VN-Index trong phiên



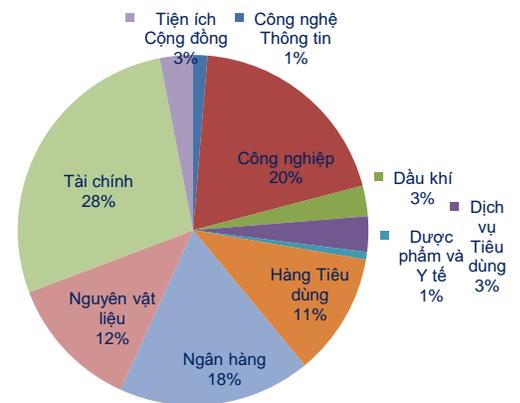
KLGD và HNX-Index trong phiên



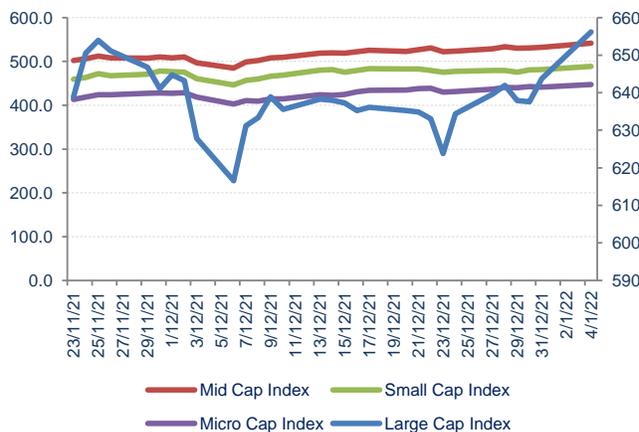
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



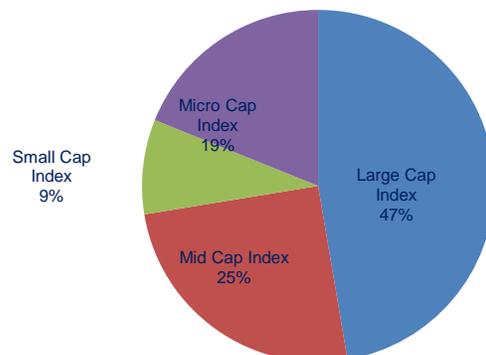
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VRE	3,537,000	CII	5,604,700
2	CTG	2,735,200	SBT	1,547,500
3	VHM	2,593,700	NVL	467,000
4	STB	1,926,300	HSG	451,000
5	PLX	1,166,000	ROS	448,400

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	899,500	CTB	265,083
2	BVS	113,600	TNG	43,100
3	PVI	52,000	MKV	39,500
4	GIC	44,800	DL1	35,000
5	KVC	41,500	SHS	31,550

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
STB	31.50	32.10	↑	1.90%	34,171,600
GEX	40.65	43.45	↑	6.89%	33,902,982
HAG	13.30	13.00	↓	-2.26%	33,642,800
SHB	22.30	22.50	↑	0.90%	23,407,000
ROS	13.60	13.95	↑	2.57%	22,469,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
PVS	27.30	28.20	↑	3.30%	11,734,953
KLF	8.10	8.30	↑	2.47%	7,008,706
SHS	50.60	51.60	↑	1.98%	5,949,537
ART	16.30	16.50	↑	1.23%	5,876,546
CEO	70.90	77.90	↑	9.87%	4,285,793

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DTL	45.00	48.15	3.15	↑ 7.00%
LDG	21.50	23.00	1.50	↑ 6.98%
VGC	53.20	56.90	3.70	↑ 6.95%
PTC	38.80	41.50	2.70	↑ 6.96%
HBC	30.25	32.35	2.10	↑ 6.94%

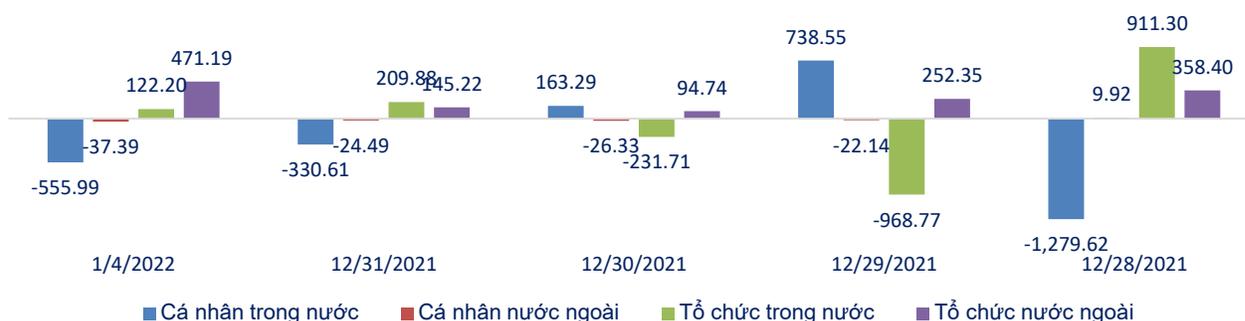
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VXB	25.00	27.50	2.50	↑ 10.00%
TSB	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
HGM	35.10	38.60	3.50	↑ 9.97%
PIA	25.10	27.60	2.50	↑ 9.96%
CEO	70.90	77.90	7.00	↑ 9.87%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TTE	21.00	19.55	-1.45	↓ -6.90%
HOT	36.00	33.55	-2.45	↓ -6.81%
VRC	31.00	28.90	-2.10	↓ -6.77%
FRT	100.20	95.00	-5.20	↓ -5.19%
PNC	13.50	12.85	-0.65	↓ -4.81%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SHE	15.10	13.60	-1.50	↓ -9.93%
DPC	28.20	25.40	-2.80	↓ -9.93%
THB	15.30	13.80	-1.50	↓ -9.80%
CTP	10.20	9.20	-1.00	↓ -9.80%
QHD	44.40	40.40	-4.00	↓ -9.01%

(\*) Giá điều chỉnh

**Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)**

**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>CII</b>	341.73	0.5%	177	262.6	1.4
<b>GEX</b>	235.37	8.6%	1,754	23.2	1.8
<b>FPT</b>	76.14	20.4%	4,436	21.0	4.2
<b>MSN</b>	62.95	8.4%	2,032	84.1	6.2
<b>HDB</b>	57.80	20.7%	2,813	11.0	2.1

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>VHM</b>	-230.33	38.3%	8,968	9.1	3.0
<b>TCB</b>	-143.88	21.3%	4,965	10.1	2.0
<b>CTG</b>	-97.71	18.1%	3,439	9.9	1.7
<b>STB</b>	-94.76	11.1%	1,864	16.9	1.8
<b>VRE</b>	-80.25	7.2%	954	31.6	2.2

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>HPG</b>	17.07	44.7%	7,085	6.5	2.5
<b>NCT</b>	3.29	51.9%	8,451	9.7	5.3
<b>SAB</b>	1.69	17.6%	5,971	25.3	4.3
<b>VCB</b>	1.02	20.4%	4,464	17.7	3.4
<b>DIG</b>	0.98	13.1%	1,499	64.5	7.3

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>GEX</b>	-28.54	8.6%	1,754	23.2	1.8
<b>ROS</b>	-5.69	3.1%	324	41.9	1.3
<b>SSI</b>	-3.08	16.5%	2,031	25.5	3.8
<b>KBC</b>	-3.04	6.0%	1,514	40.1	2.3
<b>VND</b>	-2.75	19.6%	2,173	37.7	4.2

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>TCB</b>	143.88	21.3%	4,965	10.1	2.0
<b>MBB</b>	50.73	20.3%	2,943	9.8	1.9
<b>E1VFVN30</b>	41.91	N/A	N/A	N/A	N/A
<b>VPB</b>	37.69	21.2%	2,772	12.9	2.6
<b>SSI</b>	35.50	16.5%	2,031	25.5	3.8

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>GEX</b>	-219.86	8.6%	1,754	23.2	1.8
<b>HDB</b>	-80.37	20.7%	2,813	11.0	2.1
<b>FPT</b>	-76.20	20.4%	4,436	21.0	4.2
<b>CII</b>	-64.79	0.5%	177	262.6	1.4
<b>PHC</b>	-29.66	11.3%	1,532	11.3	1.2

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>VHM</b>	220.55	38.3%	8,968	9.1	3.0
<b>VRE</b>	110.59	7.2%	954	31.6	2.2
<b>CTG</b>	94.92	18.1%	3,439	9.9	1.7
<b>PLX</b>	64.90	12.0%	2,555	21.1	2.5
<b>STB</b>	63.20	11.1%	1,864	16.9	1.8

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
<b>CII</b>	-277.79	0.5%	177	262.6	1.4
<b>MSN</b>	-51.08	8.4%	2,032	84.1	6.2
<b>NVL</b>	-41.72	7.9%	1,577	57.7	4.3
<b>SBT</b>	-40.81	8.5%	1,101	23.5	2.0
<b>VNM</b>	-28.44	31.0%	5,037	17.2	5.3



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	34,171,600	11.1%	1,864	16.9	1.8
GEX	33,902,982	3250.0%	1,754	23.2	1.8
HAG	33,642,800	-18.4%	(1,220)	-	2.5
SHB	23,407,000	17.8%	2,122	10.5	1.7
ROS	22,469,100	3.1%	324	41.9	1.3

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	11,734,953	4.6%	1,238	22.1	1.0
KLF	7,008,706	0.1%	6	1,332.9	0.8
SHS	5,949,537	25.5%	3,083	16.4	2.6
ART	5,876,546	0.3%	32	515.6	1.4
CEO	4,285,793	-4.7%	(606)	-	5.7

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DTL	↑ 7.0%	17.3%	2,896	15.5	2.7
LDG	↑ 7.0%	1.0%	134	160.5	1.6
VGC	↑ 7.0%	12.6%	2,022	26.3	3.2
PTC	↑ 7.0%	23.3%	3,599	10.8	2.5
HBC	↑ 6.9%	2.2%	370	81.8	1.7

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VXB	↑ 10.0%	-13.8%	(979)	-	4.2
TSB	↑ 10.0%	6.1%	711	12.6	0.8
HGM	↑ 10.0%	36.9%	5,028	7.0	2.8
PIA	↑ 10.0%	21.2%	3,158	7.9	1.8
CEO	↑ 9.9%	-4.7%	(606)	-	5.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	3,537,000	7.2%	954	31.6	2.2
CTG	2,735,200	18.1%	3,439	9.9	1.7
VHM	2,593,700	38.3%	8,968	9.1	3.0
STB	1,926,300	11.1%	1,864	16.9	1.8
PLX	1,166,000	12.0%	2,555	21.1	2.5

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	899,500	4.6%	1,238	22.1	1.0
BVS	113,600	7.7%	1,877	21.4	1.4
PVI	52,000	13.2%	4,301	11.4	1.6
GIC	44,800	13.9%	2,655	8.6	1.2
KVC	41,500	-7.3%	(748)	-	0.8

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	372,923	20.4%	4,464	17.7	3.4
VIC	361,876	2.9%	1,111	85.6	2.2
VHM	357,058	38.3%	8,968	9.1	3.0
HPG	207,544	44.7%	7,085	6.5	2.5
MSN	201,871	8.4%	2,032	84.1	6.2

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	96,950	25.2%	4,694	59.0	16.8
KSF	23,040	8.8%	753	102.0	3.9
IDC	21,780	11.8%	1,805	40.2	4.6
VCS	18,720	41.5%	11,163	10.5	4.0
CEO	18,245	-4.7%	(606)	-	5.7

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	3.04	54.5%	2,573	7.4	2.9
SJF	2.92	0.5%	51	235.7	1.1
TNI	2.74	0.1%	9	1,086.8	0.8
STG	2.56	13.7%	2,427	11.9	1.5
FTS	2.51	7.9%	1,164	51.4	3.1

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SDA	2.94	3.3%	243	115.0	3.8
L18	2.84	4.5%	683	84.2	4.1
L14	2.82	13.6%	1,987	130.8	15.8
APS	2.79	22.8%	1,628	24.1	3.3
IDJ	2.56	21.7%	2,623	18.9	4.1



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---